

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 22 đến 31/01/2025)

1.1. Khu vực miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến không mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao giảm, sông Lô tăng so với tuần trước do các thủy điện tuyến trên tăng cường phát điện phục vụ đồ ải Đông Xuân (từ ngày 12-16/01/2025). Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 56%, trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 59%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 69%, dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 76%.

1.2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy xấp xỉ TBNN. + Trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình, mực nước biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy trên sông Cầu thấp hơn 32% so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ là 26%. + Sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tăng dần do các hồ chứa thủy điện tuyến trên tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân 2024-2025 lấy nước đợt 01 từ ngày 12/1-16/1. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>

- Tổng lượng mưa: phổ biến <5mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ tiếp tục dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy xấp xỉ TBNN. + Trên sông Cầu và sông Lục Nam lưu lượng dòng chảy ít biến đổi so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ là 36% ; tổng lượng dòng chảy tại Chũ ở mức thấp hơn khoảng 56% . + Sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 18%.

1.3. Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa, riêng Hà Tĩnh mưa từ 10-25mm
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực ít biến đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 18%, sông Cả tại Yên Thượng tương đương TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 17%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 50%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 7%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 5%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 31%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 54%.

1.4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 40-80mm, có nơi trên 80mm như: Trà My (Quảng Nam) 94.3mm, TP. Quảng Ngãi 87.8mm, Ba Tư (Quảng Ngãi) 82.1mm...

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 425%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) cao hơn 99%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 98%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 20-50mm, có nơi trên 70mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, dòng chảy trên các sông trong khu vực ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN cùng kỳ 383%, sông Thu Bồn cao hơn 94%, sông Trà Khúc cao hơn từ 91%.

1.5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa khu vực Nam Trung Bộ: phổ biến từ 10-30mm; riêng Hoài Nhơn (Bình Định) 71.1mm,...

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Bình Định đến Ninh Thuận biến đổi chậm theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 76%, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 39%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 70%, sông Lũy (Bình Thuận) xấp xỉ TBNN, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 86% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 33% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng cao hơn 81%.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 1-5mm, riêng M'Đrăk (Đắk Lắk) 26.9mm...

- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức xấp xỉ và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 45%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn 38%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 1-10mm, có nơi trên 20mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông

biến đổi ở mức xấp xỉ và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 39%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 21%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 1-10mm, riêng huyện đảo Huyện Trân (Bà Rịa – Vũng Tàu) 28.3mm,...

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-20mm, có nơi trên 50mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, với xu thế giảm dần, trên sông Tiền tại Tân Châu ở mức cao hơn TBNN khoảng 10% và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 30%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/02/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ 22 đến ngày 31/01/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 15/01 đến 21/01	So sánh TBNN (%)	Dự báo											So sánh TBNN (%)
				22/01	23/01	24/01	25/01	26/01	27/01	28/01	29/01	30/01	31/01	Tổng	
Tây Bắc	Tam Đường	0	<100	0	0	0	0	1.8	1	0	0	0	0.3	3.1	<71
	Sơn La	0	<100	0	0	0	0	1.6	0.3	0	0	0	0	1.9	<81
	Lào Cai	0	<100	1.5	2.1	0.6	9.1	8.7	0.1	0	0	0	0.1	22.2	>179
Việt Bắc	Yên Bái	0	<100	1.3	0.2	1.3	10	3.6	0	0	0	0.1	0.1	16.6	>49
	Tuyên Quang	0	<100	0.9	0.2	2.2	7.4	2.7	0	0	0	0.5	0.1	14	>46
	Hà Giang	0	<100	2.4	8.3	4.5	8	0.8	0	0	0	0.4	0	24.4	>101
	Cao Bằng	0	<100	0	0.3	1.6	5.9	2.6	0	0	0	2.4	2.1	14.9	>40
Đông Bắc	Lạng Sơn	0	<100	0	0.2	0.7	2.7	2.7	0	0	0.1	0.8	1.4	8.6	<46
	Hòa Bình	0	<100	1.5	0.6	0.3	4.1	3.2	0	0	0	0.1	0.1	9.9	<0
	Bắc Giang	0	<100	0.1	0.1	0.8	3	2.5	0	0	0	0.5	2.4	9.4	<27
	Quảng Ninh	8.6	>86	0.2	0.8	0.9	1.9	0.3	0	0	0	0.7	0.4	5.2	<68
Đồng Bằng Bắc Bộ	Láng	0	<100	0.2	0.2	2.1	4	3	0	0	0	0.1	0.6	10.2	<19
	Thái Bình	0	<100	0.5	0.2	1.1	1.4	1.3	0	0	0	0.5	1.2	6.2	<66
	Nam Định	0	<100	0.8	0.1	0.6	0.9	3.6	0	0	0	0.3	0.3	6.6	<61
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	0.7	<69	1.2	1.4	0.2	1.9	0.8	0	0	0	0.1	0.1	5.7	<53
	Vinh	7.2	>2	0.2	0.2	0.1	2.5	7.1	0	0	0	0	0	10.1	<36
	Hà Tĩnh	9.1	<54	0	0.2	0	0.2	14.1	0.1	0	0	0	0	14.6	<51
Trung Trung Bộ	Huế	75.5	>201	0	0	0	0	15.8	12.6	1.5	0.7	0	0	30.6	<29
	Quảng Ngãi	87.8	>167	0.1	0	0	1.2	7.7	3.5	1.2	0.2	0	0	13.9	<62
Nam Trung Bộ	Nha Trang	16	<22	0	0	0	1.8	4.8	1.1	0.2	0	0	0	7.9	<34
Tây Nguyên	Kon Tum	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Buôn Mê Thuột	0	<100	0	0	0	0	0.6	0	0	0	0	0	0.6	>22
Nam Bộ	Biên Hòa	0	<100	0	0	0	0.7	0.5	0.3	0	0	0	0	1.5	<49
	Cần Thơ	7.5	>127	0	0	0	1.6	5.5	0.4	0	0.2	0	0	7.7	>136

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ từ 22 đến ngày 31/01/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 15/10 đến 21/10	So sánh TBNN (%)	Dự báo											So sánh TBNN (%)
				22/10	23/10	24/10	25/10	26/10	27/10	28/10	29/10	30/10	31/10	Tổng	
Đà	Hồ Hòa Bình	385	> 1	58.75	57.89	57.02	51.84	51.84	54.4	56.16	57.02	55.3	385.48	> 1	58.7
Thao	Yên Bái	66	< 56	8	7	7	6	6	6.0	6	5	5	66	< 56	8
Lô	Tuyên Quang	107	< 59	9.94	9.5	9.33	9.16	9.07	8.9	8.81	8.47	8.29	107.34	< 59	9.9
Cầu	Gia Bảy	7.44	< 32	0.97	0.95	0.95	0.97	0.99	1.0	1.08	1.06	1.04	7.44	< 32	0.9
Lục Nam	Chũ	2	< 26	0.26	0.26	0.36	0.36	0.36	0.3	0.33	0.33	0.29	2	< 26	0.3
Hồng	Hà Nội	697	> 0	61.08	69.64	73.87	78.19	87.09	91.6	95.9	100.22	104.54	697	> 0	61.1
Mã	Cắm Thủy	107	> 18	13.41	13.55	13.69	14.52	15.21	14.1	13.82	13.55	13.55	107	> 18	13.4
Cả	Yên Thượng	141	~	18.19	18.37	18.56	19.69	20.62	19.1	18.75	18.37	18.37	140.9	~	18.1
La	Hòa Duyệt	34.5	< 17	4.11	4.15	4.19	4.45	4.66	4.3	4.23	4.15	4.15	34.5	< 17	4.1
Tả Trạch	Thượng Nhật	30.6	> 425	4.5	4.1	3.9	3.6	3.4	3.6	3.7	3.4	3.2	30.6	> 425	4.5
Thu Bồn	Nông Sơn	291	> 99	38	36.3	35.4	35	33.7	36.3	38.9	37.2	36.3	290.9	> 99	38
Trà Khúc	Sơn Giang	199	> 98	25.1	24.2	23.8	23.3	22.9	25.9	27.6	25.9	24.6	199	> 98	25.1
Ba	Củng Sơn	50.0	< 39	6.22	6.05	5.88	5.7	5.62	6.1	6.48	7.34	6.91	50.08	< 39	6.2
Cái NT	Đông Trăng	52.0	> 70	5.62	5.53	5.44	5.36	5.18	5.6	6.91	7.78	6.91	52.01	> 70	5.6
ĐăkBlá	KonTum	19.5	< 45	2.46	3.08	2.6	3	2.41	3.1	2.45	3.01	2.42	19.59	< 45	2.5
Srêpôk	Giang Sơn	48.4	> 38	5.18	4.49	4.04	3.63	3.28	3.0	2.73	2.49	2.2	48.44	> 38	5.1
Tiền	Tân Châu			584	536	505	481	461	478.0	481	483	489			584
Hậu	Châu Đốc			60	52	46	36	32	36.0	40	41	52			60